

KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG CHẤM THI: TRƯỜNG THPT TÂY NINH



BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)
HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
1	200001	NGUYỄN BÌNH AN	Nam	22/12/2010	7.04	6.91	6.96	7.16	7.02	4.50	2.50	2.75	0.0	0.0	8.93	
2	200002	NGUYỄN DUY AN	Nam	31/07/2010	8.3	8.66	9.15	9.13	8.81	6.50	6.75	5.50	0.0	0.0	15.77	
3	200003	BÙI BẢO ANH	Nam	17/05/2010	7.09	8.44	8.55	8.74	8.21	6.25	5.75	4.50	0.0	0.0	14.01	
4	200004	BÙI THỊ TRÂM ANH	Nữ	05/02/2010	9.65	9.58	9.76	9.63	9.66	6.75	7.50	7.75	0.0	0.0	18.30	
5	200005	DƯƠNG PHAN LAN ANH	Nữ	06/10/2010	8.95	8.15	8.74	8.69	8.63	6.25	5.75	6.25	0.0	0.0	15.36	
6	200006	HỒ KIỀU ANH	Nữ	10/12/2010	6.38	5.65	6.21	7.16	6.35	4.00	1.75	3.75	0.0	0.0	8.56	
7	200007	LÊ HOÀI ANH	Nam	26/12/2010	8.54	7.31	7.79	7.98	7.91	6.25	4.50	3.50	0.0	0.0	12.35	
8	200008	NGÔ TRÂM ANH	Nữ	15/01/2010	6.86	6.15	6.38	6.89	6.57	4.25	1.25	3.50	0.0	0.0	8.27	
9	200009	NGUYỄN THỊ TRÚC ANH	Nữ	11/10/2010	8.18	7.8	7.71	7.71	7.85	5.75	3.00	3.50	0.0	0.0	10.93	
10	200010	PHẠM HỒNG ANH	Nữ	12/08/2010	7.41	7.94	6.71	7.35	7.35	4.75	4.00	2.75	0.0	0.0	10.26	
11	200011	PHẠM QUỐC ANH	Nam	19/10/2008	7.1	6.9	5.9	5.6	6.38	5.25	4.00	4.25	0.0	0.0	11.36	
12	200012	TRẦN NGUYỄN VÂN ANH	Nữ	06/08/2010	9.15	8.6	8.45	8.3	8.63	6.00	3.25	7.75	0.0	0.0	14.49	
13	200013	VÕ NHẬT ANH	Nam	28/12/2010	6.11	6.41	6.49	6.13	6.29	4.25	1.00	3.75	0.0	0.0	8.19	
14	200014	NGUYỄN THỊ HỒNG ÁNH	Nữ	05/04/2010	9.01	9.21	8.83	8.86	8.98	6.50	6.75	5.75	0.0	0.0	15.99	
15	200015	LÊ NGUYỄN KIỀU ÂN	Nữ	02/12/2010	6.29	6.23	5.78	6.63	6.23	5.50	2.75	3.75	0.0	0.0	10.27	
16	200016	TRẦN NGUYỄN DUY ÂN	Nam	10/03/2010	8.4	7.96	8.2	7.4	7.99	5.50	1.25	3.00	0.0	0.0	9.22	
17	200017	ĐÀO CHI BẢO	Nam	29/01/2010	6.09	5.74	6.01	6.16	6	0.50	0.00	2.50	0.0	0.0	3.90	Liệt
18	200018	LƯƠNG GIA BẢO	Nam	26/11/2010	8.55	8.14	8.23	7.99	8.23	6.50	4.50	5.50	0.0	0.0	14.02	
19	200019	NGUYỄN DƯƠNG LONG BẢO	Nam	22/04/2010	6.84	5.98	7.7	6.95	6.87	3.25	2.50	2.50	0.0	0.0	7.84	
20	200020	NGUYỄN HOÀNG GIA BẢO	Nam	05/01/2010	7.9	8.13	7.76	8.43	8.06	6.00	6.50	4.00	0.0	0.0	13.97	
21	200021	NGUYỄN QUỐC BẢO	Nam	16/12/2010	8.18	7.89	7.78	7.54	7.85	6.25	6.25	1.75	0.0	0.0	12.33	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
22	200022	PHAN TRẦN GIA BẢO	Nam	31/03/2010	8.39	7.81	8.6	8.44	8.31	6.75	7.00	5.00	0.0	0.0	15.62	
23	200023	TRẦN GIA BẢO	Nam	07/12/2010	9.75	9.7	9.84	9.63	9.73	8.25	8.50	8.75	0.0	0.5	21.27	
24	200024	TRẦN PHAN DUY BẢO	Nam	04/10/2010	7.64	7.53	7.6	7.66	7.61	5.25	5.25	3.00	0.0	0.0	11.73	
25	200025	TRƯƠNG THANH HOÀI BẢO	Nam	24/11/2010	8.46	8.11	7.96	8.04	8.14	6.25	5.00	2.00	0.0	0.0	11.72	
26	200026	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG BI	Nữ	13/04/2010	7.01	6.81	6.51	6.88	6.8	4.25	2.75	4.00	0.0	0.0	9.74	
27	200027	TÔ THANH BÌNH	Nam	20/08/2010	6.24	7.16	8.05	6.86	7.08	4.50	0.50	2.00	0.0	0.0	7.02	Liệt
28	200028	TRẦN ĐẮC THANH BÌNH	Nam	21/07/2010	5.98	6.56	6.7	6.86	6.53	2.00	3.00	4.00	0.0	0.0	8.26	
29	200029	TRẦN NGUYỄN LÊ CHÂN	Nữ	12/02/2010	8.33	7.75	8.1	7.64	7.96	5.25	4.25	4.50	0.0	0.0	12.19	
30	200030	HỒ BẢO CHÂU	Nữ	24/09/2010	9.2	9.09	9.46	9.28	9.26	7.50	7.00	5.25	0.0	0.0	16.60	
31	200031	PHẠM NGUYỄN BẢO CHÂU	Nữ	14/05/2010	9.26	9.05	9.6	9.34	9.31	7.75	8.25	5.50	0.0	0.0	17.84	
32	200032	VÕ QUỐC CƯỜNG	Nam	30/07/2010	7.84	7.16	6.69	7.21	7.23	4.00	3.75	3.25	0.0	0.0	9.87	
33	200033	HUỲNH CÔNG DANH	Nam	16/12/2010	6.29	6.98	6.56	6.54	6.59	1.25	1.00	3.50	0.0	0.0	6.00	
34	200034	NGÔ THÀNH DANH	Nam	15/05/2010	7.18	6.96	7.5	7.55	7.3	5.50	2.00	2.75	0.0	0.0	9.37	
35	200035	VÕ THÀNH DANH	Nam	05/03/2010	5.39	5.76	6.03	5.6	5.7	3.25	1.00	3.75	0.0	0.0	7.31	
36	200036	PHAN ĐÌNH DÂN	Nam	11/07/2010	7.8	7.55	7.33	7.24	7.48	4.00	2.25	3.00	0.0	0.0	8.72	
37	200037	HỒ NGỌC DIỆU	Nữ	07/06/2010	8.31	7.84	8.73	8.54	8.36	6.75	2.75	4.50	0.0	0.0	12.31	
38	200038	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	Nam	26/10/2010	6.06	6.36	6.55	6.68	6.41	4.50	3.25	2.25	0.0	0.0	8.92	
39	200039	VÕ ĐÌNH DOÃN	Nam	31/08/2010	5.33	6.36	7.04	6.28	6.25	3.50	0.50	3.75	0.0	0.0	7.30	Liệt
40	200040	BÙI PHƯƠNG DUNG	Nữ	01/10/2010	5.78	5.8	5.86	6.3	5.94	3.00	4.00	3.50	0.0	0.0	9.13	
41	200041	DƯƠNG KHÁNH DUY	Nam	25/10/2010	7.38	8.59	8.64	7.91	8.13	5.25	6.50	4.75	0.0	0.0	13.99	
42	200042	ĐÌNH THÁI DUY	Nam	22/07/2010	7.01	6.74	7.2	6.78	6.93	4.50	4.25	3.50	0.0	0.0	10.65	
43	200043	LÂM KHÁNH DUY	Nam	10/07/2010	7.28	6.88	7.65	7.15	7.24	3.75	1.50	3.50	0.0	0.0	8.30	
44	200044	MAI HOÀNG DUY	Nam	01/08/2010	6.49	5.96	6.66	6.75	6.47	5.75	2.50	2.25	0.0	0.0	9.29	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
45	200045	NGUYỄN BẢO DUY	Nam	24/06/2010	6.16	6.14	6.65	6.89	6.46	2.00	1.25	2.25	0.0	0.0	5.79	
46	200046	NGUYỄN NHẬT DUY	Nam	15/11/2010	7.86	7.06	7.34	6.78	7.26	4.50	5.00	2.75	0.0	0.0	10.75	
47	200047	NGUYỄN QUANG DUY	Nam	21/01/2010	7.33	6.61	7.16	6.73	6.96	1.50	0.00	3.50	0.0	0.0	5.59	Liệt
48	200048	PHẠM KHÁNH DUY	Nam	23/02/2010	7.84	7.89	8.03	7.08	7.71	3.50	3.50	3.75	0.0	0.0	9.84	
49	200049	LÊ CẨM DUYÊN	Nữ	17/12/2010	8.14	8.4	8.33	8.25	8.28	6.25	3.00	3.00	0.0	0.0	11.06	
50	200050	PHẠM KỶ DUYÊN	Nữ	03/06/2010	6.83	6.29	7.24	7	6.84	6.00	1.50	2.00	0.0	0.0	8.70	
51	200051	PHẠM KỶ DUYÊN	Nữ	14/12/2010	6.86	6.09	6.91	6.95	6.7	5.75	0.50	4.25	0.0	0.0	9.36	Liệt
52	200052	LÊ CÔNG DŨNG	Nam	18/08/2010	7.86	6.81	7.79	7.66	7.53	4.50	3.50	3.00	0.0	0.0	9.96	
53	200053	TRẦN QUANG DŨNG	Nam	02/06/2009	7.1	5.6	6.94	6.43	6.52	5.50	5.25	2.50	0.0	0.0	11.23	
54	200054	TRẦN QUỐC DŨNG	Nam	15/05/2010	6.4	6.55	7.45	7.13	6.88	5.25	2.75	6.25	0.0	0.0	12.04	
55	200055	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	01/01/2010	7.76	7.58	9.06	8.58	8.25	7.75	5.25	5.75	0.0	0.0	15.60	
56	200056	NGUYỄN NGỌC LINH ĐAN	Nữ	23/10/2010	9.1	8.26	8.79	8.71	8.72	7.50	4.75	5.00	0.0	0.0	14.69	
57	200057	NGUYỄN TRÚC ĐÀO	Nữ	05/04/2010	6.75	6.61	7.71	7.36	7.11	6.25	3.75	5.00	0.0	0.0	12.63	
58	200058	MAI QUỐC ĐẠI	Nam	15/11/2010	9.4	9.34	9.59	9.25	9.4	7.50	5.75	6.25	0.0	0.0	16.47	
59	200059	CAO THÀNH ĐẠT	Nam	09/10/2010	6.93	5.81	6.25	6.63	6.41	4.00	2.75	3.00	0.0	0.0	8.75	
60	200060	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	08/07/2010	8.93	8.86	8.74	9.19	8.93	6.75	7.25	8.00	0.0	0.0	18.08	
61	200061	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	10/05/2010	6.26	6.19	6.13	6.54	6.28	5.50	2.50	3.25	0.0	0.0	9.76	
62	200062	TRỊNH QUỐC ĐẠT	Nam	02/08/2010	5.28	5.45	6.03	5.96	5.68	2.25	1.75	3.00	0.0	0.0	6.60	
63	200063	TRẦN LÊ HƯƠNG ĐĂNG	Nữ	15/06/2010	9.25	9	9.54	8.49	9.07	7.25	3.00	3.50	0.0	0.0	12.35	
64	200064	HUỲNH ANH ĐÔNG	Nam	28/11/2010	5.43	5.61	5.8	6.21	5.76	4.50	0.00	4.00	0.0	0.0	7.68	Liệt
65	200065	TRƯƠNG QUỐC ĐÔNG	Nam	19/03/2010	5.18	6.43	7.01	6.43	6.26	5.25	1.50	3.00	0.0	0.0	8.70	
66	200066	DƯƠNG THỊ HỒNG GẮM	Nữ	17/10/2010	6.4	5.41	6.61	6.34	6.19	6.00	1.00	3.25	0.0	0.0	9.03	
67	200067	ĐỖ THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	24/04/2010	8.28	8.53	8.18	8.45	8.36	7.50	4.50	5.50	0.0	0.0	14.76	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
68	200068	NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU	Nữ	20/11/2010	7.31	7.69	7.5	7.64	7.54	6.25	4.25	3.75	0.0	0.0	12.24	
69	200069	ĐINH QUANG GIỚI	Nam	05/06/2010	6.63	7.03	7.24	7.18	7.02	6.00	0.00	4.50	0.0	0.0	9.46	Liệt
70	200070	LÊ CHÍ HÀO	Nam	24/06/2010	8.14	7.11	7.63	7.28	7.54	3.75	2.25	2.75	0.0	0.0	8.39	
71	200071	NGUYỄN NHẬT HÀO	Nam	17/11/2010	8.61	8.43	7.75	7.89	8.17	4.25	4.25	4.75	0.0	0.0	11.73	
72	200072	PHẠM ANH HÀO	Nam	14/02/2010	7.99	6.93	8.86	7.91	7.92	7.00	2.50	4.75	0.0	0.0	12.35	
73	200073	TRƯƠNG CAO NHẬT HÀO	Nam	11/06/2010	8.83	8.18	7.98	8.14	8.28	5.75	6.50	5.50	0.0	0.0	14.91	
74	200074	PHAN THANH HẢI	Nam	30/06/2010	7.53	7.84	7.13	7.13	7.41	6.50	3.00	3.50	0.0	0.0	11.32	
75	200075	TRƯƠNG MỸ HẠNH	Nữ	01/08/2010	7.3	6.73	7.1	7.19	7.08	3.75	0.00	4.25	0.0	0.0	7.72	Liệt
76	200076	NGUYỄN THANH HẠO	Nam	30/01/2010	6.59	7.38	7.5	7.01	7.12	5.25	0.00	3.75	0.0	0.0	8.44	Liệt
77	200077	TRẦN THỊ MINH HẰNG	Nữ	01/11/2010	8.05	7.6	7.99	7.8	7.86	6.00	5.75	4.75	0.0	0.0	13.91	
78	200078	BỐC HUỖNH GIA HÂN	Nữ	24/04/2010	6.38	6.35	6.68	6.98	6.6	5.75	3.50	4.00	0.0	0.0	11.26	
79	200079	DƯƠNG THỊ HOÀNG HÂN	Nữ	06/07/2010	5.88	7.16	7.24	7.19	6.87	5.50	0.00	2.50	0.0	0.0	7.66	Liệt
80	200080	ĐIỀN NGỌC HÂN	Nữ	28/10/2010	6.31	5.69	6.46	6.55	6.25	5.00	2.75	3.25	0.0	0.0	9.58	
81	200081	ĐINH LÊ GIA HÂN	Nữ	26/02/2010	9.69	9.63	9.61	9.65	9.65	8.25	7.25	7.75	0.0	0.0	19.17	
82	200082	HỒ LÊ NGỌC HÂN	Nữ	28/02/2010	9.44	9.3	9.65	9.56	9.49	8.25	7.00	7.00	0.0	0.0	18.42	
83	200083	NGÔ THỊ NGỌC HÂN	Nữ	22/09/2010	7.48	7.16	6.96	7.21	7.2	5.00	2.00	2.75	0.0	0.0	8.99	
84	200084	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	Nữ	27/05/2010	6.98	7.13	7.31	7.06	7.12	4.00	1.50	2.00	0.0	0.0	7.39	
85	200085	PHẠM THỊ NGỌC HÂN	Nữ	16/02/2010	8.55	8.28	7.84	7.66	8.08	3.00	4.75	2.25	0.0	0.0	9.42	
86	200086	TRẦN DƯƠNG NGỌC HÂN	Nữ	28/07/2010	7.09	7.73	8.23	7.5	7.64	5.25	2.50	4.25	0.0	0.0	10.69	
87	200087	TRẦN THỊ GIA HÂN	Nữ	20/12/2010	6.48	7.04	6.96	6.91	6.85	2.75	2.75	2.50	0.0	0.0	7.66	
88	200088	VÕ HOÀNG NGỌC HÂN	Nữ	18/12/2010	7.79	7.65	8.15	7.95	7.89	5.50	3.50	5.75	0.0	0.0	12.69	
89	200089	NGÔ MINH HẬU	Nam	19/12/2010	7.7	7.54	7.96	7.43	7.66	2.25	5.50	4.25	0.0	0.0	10.70	
90	200090	PHẠM VĂN HẬU	Nam	20/09/2010	5.18	5.24	5.11	5.93	5.37	5.17	2.75	3.00	0.0	0.0	9.26	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
91	200091	LÊ NGUYỄN CHÍ HIẾU	Nam	03/11/2010	9.26	9.26	9.4	8.91	9.21	7.25	5.75	5.50	0.0	0.0	15.71	
92	200092	QUAN LÊ HIẾU	Nam	20/07/2010	5.41	6.43	6.54	6.15	6.13	2.00	2.75	2.75	0.0	0.0	7.09	
93	200093	VÕ TRUNG HIẾU	Nam	02/04/2010	6.56	6.48	7.56	6.93	6.88	4.75	2.00	3.75	0.0	0.0	9.41	
94	200094	TRẦN CÔNG HIỆP	Nam	01/05/2010	6.98	6.24	6.03	7.05	6.58	4.25	3.75	2.50	0.0	0.0	9.32	
95	200095	VÕ NHƯ THỊ TUYẾT HOA	Nữ	23/07/2010	8.2	8.5	8.61	8.16	8.37	4.25	6.00	5.75	0.0	0.0	13.71	
96	200096	NGUYỄN THÁI HÒA	Nam	26/07/2009	8.33	7.43	8.25	7.86	7.97	6.00	4.00	6.00	0.0	0.0	13.59	
97	200097	LÊ TRẦN MINH HUY	Nam	28/06/2010	8.24	8.7	8.03	8.38	8.34	5.75	5.50	9.75	0.0	0.0	17.20	
98	200098	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	08/10/2010	7.91	7.66	8.44	8.48	8.12	7.25	4.25	8.00	0.0	0.0	16.09	
99	200099	NGUYỄN NHẬT HUY	Nam	13/01/2010	8.2	8.86	9.08	8.78	8.73	6.25	6.50	8.00	0.0	0.0	17.14	
100	200100	NGUYỄN VÕ NHẬT HUY	Nam	22/04/2010	6.01	6.53	7.29	7.51	6.84	3.25	1.00	3.00	0.0	0.0	7.13	
101	200101	PHẠM GIA HUY	Nam	07/11/2010	7.38	6.84	7.4	6.43	7.01	2.75	1.00	2.50	0.0	0.0	6.48	
102	200102	HỒ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	17/06/2010	8.88	7.76	8.41	7.96	8.25	6.50	2.50	3.75	0.0	0.0	11.40	
103	200103	LÊ BÙI NGỌC HUYỀN	Nữ	26/09/2010	5.88	7.18	6.33	6.76	6.54	4.50	1.50	2.50	0.0	0.0	7.91	
104	200104	PHẠM LÊ LIỄU HUỠNH	Nữ	09/07/2010	9.44	9.54	9.71	9.43	9.53	7.25	6.75	7.75	0.0	0.0	18.08	
105	200105	PHẠM NHƯ HUỠNH	Nữ	16/03/2010	8.5	8.78	8.7	8.99	8.74	6.50	6.50	4.00	0.0	0.0	14.52	
106	200106	NGUYỄN XUÂN HÙNG	Nam	10/04/2010	7.29	7.75	7.95	7.61	7.65	6.00	3.00	5.50	0.0	0.0	12.45	
107	200107	VÕ GIA HÙNG	Nam	01/07/2010	8.19	8	6.85	6.7	7.44	4.75	4.25	3.50	0.0	0.0	10.98	
108	200108	LÊ NGUYỄN DIỆU HƯƠNG	Nữ	22/02/2010	9.51	9.33	9.5	9.35	9.42	7.50	6.25	7.50	0.0	0.0	17.70	
109	200109	NGUYỄN LÊ KHA	Nam	03/05/2010	9.04	8.65	7.81	7.94	8.36	5.25	5.00	7.50	0.0	0.0	14.93	
110	200110	ĐỖ GIA PHÚC KHANG	Nam	04/06/2010	7.38	7.29	7.34	7.65	7.42	5.00	3.25	3.50	0.0	0.0	10.45	
111	200111	NGUYỄN MINH KHANG	Nam	06/02/2010	7.79	8.09	8.29	7.65	7.96	5.25	3.75	3.50	0.0	0.0	11.14	
112	200112	NGUYỄN TRẦN DUY KHANG	Nam	02/02/2010	8.09	7.95	7.7	7.71	7.86	5.50	6.75	5.75	0.0	0.0	14.96	
113	200113	NGUYỄN VÕ LÂM KHANG	Nam	17/03/2010	6.28	6.1	6.71	7.23	6.58	5.00	5.00	3.75	0.0	0.0	11.60	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
114	200114	TRẦN DUY KHANG	Nam	17/11/2010	6.95	7.69	7.7	7.7	7.51	5.75	3.50	2.75	0.0	0.0	10.65	
115	200115	NGUYỄN GIA KHÁNH	Nam	02/09/2010	8.39	8.66	7.79	7.74	8.15	6.25	3.25	4.00	0.0	0.0	11.90	
116	200116	NGUYỄN PHÚC KHÁNH	Nam	12/11/2010	8.14	8	8.11	7.64	7.97	5.75	3.25	3.25	0.0	0.0	10.97	
117	200117	NGUYỄN KHẮC KHIÊM	Nam	03/04/2010	7.48	7.68	8.09	8.14	7.85	6.75	3.50	5.75	0.0	0.0	13.56	
118	200118	DƯƠNG HOÀNG ĐĂNG KHOA	Nam	31/12/2009	5.65	4.93	5.3	6.08	5.49	4.00	0.50	2.50	0.0	0.0	6.55	Liệt
119	200119	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	16/08/2010	9.1	9.14	9.49	9.28	9.25	7.00	4.25	7.50	0.0	0.0	15.90	
120	200120	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	26/08/2010	7.39	5.76	6.05	6.21	6.35	3.75	0.00	3.75	0.0	0.0	7.16	Liệt
121	200121	LÊ ANH KHÔI	Nam	28/09/2010	7.81	8.2	8.53	8.21	8.19	7.00	2.25	3.75	0.0	0.0	11.56	
122	200122	LÊ NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	Nam	10/08/2010	7.71	8.23	7.1	7.25	7.57	4.50	2.50	2.25	0.0	0.0	8.75	
123	200123	DƯƠNG TRUNG KIÊN	Nam	13/08/2010	7.81	6.89	6.04	6.49	6.81	3.75	1.25	2.50	0.0	0.0	7.29	
124	200124	LÊ THỊ THÚY KIỀU	Nữ	28/07/2010	7.76	6.83	6.94	6.7	7.06	5.50	0.00	3.50	0.0	0.0	8.42	Liệt
125	200125	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	Nữ	06/08/2010	8.51	7.9	7.98	7.56	7.99	5.00	3.75	2.00	0.0	0.0	9.92	
126	200126	NGUYỄN GIA KIỆT	Nam	08/09/2010	5.81	6.03	6.61	6.15	6.15	1.00	1.50	2.00	0.0	0.0	5.00	
127	200127	THÁI ANH KIỆT	Nam	22/12/2010	5.76	6.39	6.03	6.63	6.2	3.50	3.00	2.00	0.0	0.0	7.81	
128	200128	TỔNG GIA KIỆT	Nam	21/11/2010	7.65	8.15	7.45	7.29	7.64	5.00	4.50	3.75	0.0	0.0	11.57	
129	200129	TRẦN GIA KIỆT	Nam	05/08/2010	5.23	4.96	7.13	6.16	5.87	2.75	1.75	2.25	0.0	0.0	6.49	
130	200130	TRẦN THIÊN KIM	Nữ	29/10/2010	6.85	5.71	6.49	6.53	6.4	6.00	1.75	2.00	0.0	0.0	8.75	
131	200131	PHẠM THƯ KỶ	Nữ	29/10/2010	8.14	8.38	8.98	8.24	8.44	7.50	1.50	3.75	0.0	0.0	11.46	
132	200132	NGUYỄN CHÂU LAM	Nữ	06/09/2010	9.16	9.25	9.49	9.39	9.32	8.00	7.75	7.00	0.0	0.0	18.72	
133	200133	PHẠM THỊ HOÀNG LAM	Nữ	24/03/2010	6.93	5.11	6.85	6.69	6.4	5.75	1.50	2.00	0.0	0.0	8.40	
134	200134	NGUYỄN TÂM LÂM	Nữ	11/04/2010	6.6	5.75	5.55	6.28	6.05	5.25	2.75	2.75	0.0	0.0	9.34	
135	200135	PHẠM THỊ KHÁNH LÊ	Nữ	22/02/2010	9.23	8.38	8.74	8.16	8.63	7.50	2.50	4.75	0.0	0.0	12.91	
136	200136	HÔNG THỊ THÚY LIÊU	Nữ	29/04/2010	7.49	6.84	6.64	6.58	6.89	1.25	1.75	3.50	0.0	0.0	6.62	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
137	200137	HỒ THỊ NGỌC LINH	Nữ	24/05/2010	6.28	7.5	7.48	7.41	7.17	4.25	4.50	3.50	0.0	0.0	10.73	
138	200138	LÊ THỊ NHÃ LINH	Nữ	11/02/2010	8.1	7.69	7.4	7.48	7.67	5.25	2.50	3.50	0.0	0.0	10.18	
139	200139	LÊ NGUYỄN NGỌC LONG	Nam	22/07/2010	5.68	5.54	5.8	6.11	5.78	2.25	1.75	2.25	0.0	0.0	6.11	
140	200140	NGUYỄN TRẦN NHẬT LONG	Nam	12/11/2010	5.78	5.63	6.08	7.03	6.13	3.50	3.50	2.00	0.0	0.0	8.14	
141	200141	PHAN ĐẶNG MINH LONG	Nam	25/08/2010	6.6	6.09	6.04	6.38	6.28	2.25	2.25	1.50	0.0	0.0	6.08	
142	200142	GIÁP THÁI BẢO LỘC	Nam	16/02/2010	6.56	6.11	7.48	6.54	6.67	5.25	0.00	1.50	0.0	0.0	6.73	Liệt
143	200143	NGUYỄN NGÔ LỘC	Nam	19/01/2010	6.79	6.66	7.8	6.96	7.05	6.00	0.25	2.75	0.0	0.0	8.42	Liệt
144	200144	PHAN THỊ CẨM LY	Nữ	21/04/2010	5.85	6.8	6.2	6.14	6.25	2.00	1.75	3.50	0.0	0.0	6.95	
145	200145	PHẠM THỊ CẨM LY	Nữ	04/08/2010	8.13	6.76	6.61	6.8	7.08	6.75	2.50	2.50	0.0	0.0	10.35	
146	200146	NGUYỄN XUÂN MAI	Nữ	05/03/2010	6.1	7.05	7.03	7.29	6.87	4.75	2.25	2.25	0.0	0.0	8.54	
147	200147	BÙI MINH MẶN	Nam	20/04/2010	5.55	6.55	7.01	7.08	6.55	5.00	1.50	4.25	0.0	0.0	9.49	
148	200148	NGUYỄN THỊ DIỄM MI	Nữ	13/08/2009	5.38	5.94	5.58	5.5	5.6	1.50	2.25	2.75	0.0	0.0	6.23	
149	200149	ĐẶNG TẤN MINH	Nam	20/06/2010	6.91	7.21	7.33	7.38	7.21	5.50	2.25	6.00	0.0	0.0	11.79	
150	200150	LÊ MAI HOÀNG MINH	Nam	06/03/2010	7.18	7.25	7.73	6.74	7.23	3.75	3.50	5.00	0.0	0.0	10.74	
151	200151	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	22/01/2010	5.3	6.29	6.58	7.1	6.32	2.00	1.00	2.75	0.0	0.0	5.92	
152	200152	NGUYỄN THẢO MY	Nữ	17/10/2010	8.98	8.5	8.69	8.44	8.65	7.75	4.00	4.50	0.0	0.0	13.97	
153	200153	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	Nữ	14/05/2010	8.16	7.48	8.51	8.08	8.06	6.75	3.50	5.50	0.0	0.0	13.44	
154	200154	TRẦN TRÀ MY	Nữ	13/01/2010	8.91	8.34	8.73	8.74	8.68	6.75	4.50	3.25	0.0	0.0	12.75	
155	200155	TRẦN THOẠI MỸ	Nữ	26/09/2010	6.73	6.99	6.9	7.31	6.98	5.75	3.50	2.25	0.0	0.0	10.14	
156	200156	HỒNG TẤN NAM	Nam	01/01/2010	6.48	6.98	7.08	7.39	6.98	4.00	1.50	3.00	0.0	0.0	8.04	
157	200157	MAI THÀNH PHƯƠNG NAM	Nam	25/10/2010	5.93	6.28	6.25	6.34	6.2	4.25	2.50	2.50	0.0	0.0	8.34	
158	200158	NGUYỄN ÁI NAM	Nam	07/09/2010	7.78	7.88	7.61	7.8	7.77	5.00	5.00	3.50	0.0	0.0	11.78	
159	200159	PHAN NGUYỄN HOÀI NAM	Nam	11/01/2010	8.4	8.09	7.74	8.06	8.07	6.00	5.50	4.75	0.0	0.0	13.80	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
160	200160	PHAN QUỐC NAM	Nam	25/11/2010	7.63	8	8.28	7.69	7.9	5.50	3.75	5.00	0.0	0.0	12.35	
161	200161	THÁI HOÀNG NAM	Nam	19/12/2010	6.24	6.8	7.61	7.88	7.13	5.00	5.00	2.50	0.0	0.0	10.89	
162	200162	TRƯƠNG THANH NAM	Nam	18/10/2010	7.14	8.91	9.04	9.1	8.55	6.75	6.25	7.00	0.0	0.0	16.57	
163	200163	VÕ LÊ BẢO NAM	Nam	12/03/2010	7.58	7.31	8.18	8.88	7.99	7.75	6.50	6.25	0.0	0.0	16.75	
164	200164	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	18/10/2010	7.34	7.83	7.7	8.33	7.8	6.50	4.00	2.50	0.0	0.0	11.44	
165	200165	LÊ THỊ THANH NGÂN	Nữ	02/03/2010	7.48	8.11	8.61	8.46	8.17	6.00	5.50	7.00	0.0	0.0	15.40	
166	200166	NGUYỄN PHẠM THANH NGÂN	Nữ	05/09/2010	8.8	8.43	8.26	8.28	8.44	5.50	4.75	4.75	0.0	0.0	13.03	
167	200167	PHAN THỊ KIM NGÂN	Nữ	30/05/2010	6.28	6.58	7.2	7.66	6.93	5.75	2.50	3.75	0.0	0.0	10.48	
168	200168	LÊ NGUYỄN XUÂN NGHI	Nữ	12/10/2009	7.06	6.48	7.11	6.96	6.9	4.50	1.00	3.00	0.0	0.0	8.02	
169	200169	LÊ MINH NGHĨA	Nam	29/10/2010	9.04	9.18	9.24	8.73	9.05	8.50	5.50	6.75	0.0	0.0	17.24	
170	200170	LÊ TRỌNG NGHĨA	Nam	15/10/2010	8.06	7.11	7.34	7.84	7.59	4.00	5.25	6.75	0.0	0.0	13.48	
171	200171	NGUYỄN NGỌC NGOAN	Nữ	09/02/2010	9.35	9.53	9.59	9.49	9.49	7.25	6.00	7.75	0.0	0.0	17.55	
172	200172	BÙI NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	02/10/2010	6.18	6.24	7.09	6.49	6.5	3.75	2.25	3.75	0.0	0.0	8.78	
173	200173	ĐÌNH BẢO NGỌC	Nữ	20/01/2010	7.36	8.1	8.49	8.63	8.15	6.00	4.25	8.00	0.0	0.0	15.22	
174	200174	NGUYỄN TRẦN NGỌC	Nữ	27/02/2010	5.8	5.75	5.85	6.08	5.87	3.25	2.50	4.00	0.0	0.0	8.59	
175	200175	PHAN VÕ XUÂN NGỌC	Nữ	21/06/2010	7.29	7.38	7.1	7.44	7.3	5.00	1.75	2.25	0.0	0.0	8.49	
176	200176	NGUYỄN HÀ THẢO NGUYÊN	Nữ	28/01/2009	7.53	6.8	6.84	7.1	7.07	5.75	2.75	6.25	0.0	0.0	12.45	
177	200177	PHẠM NGỌC THẢO NGUYÊN	Nữ	27/11/2010	7.68	7.14	7.46	7.6	7.47	5.50	4.00	5.25	0.0	0.0	12.57	
178	200178	PHẠM VÕ THANH NGUYÊN	Nữ	17/06/2010	6.84	7.69	7.39	7.65	7.39	4.75	0.00	3.00	0.0	0.0	7.64	Liệt
179	200179	LÊ THÀNH NHÂN	Nam	01/03/2010	9.26	8.6	8.46	7.79	8.53	4.75	2.00	3.25	0.0	0.0	9.56	
180	200180	NGUYỄN HOÀI NHÂN	Nam	03/04/2010	7.56	7.63	7.08	7.16	7.36	3.25	1.50	1.50	0.0	0.0	6.58	
181	200181	NGUYỄN THANH NHÂN	Nam	03/08/2010	8.58	8.41	7.9	8.26	8.29	3.50	4.25	3.75	0.0	0.0	10.54	
182	200182	NGUYỄN THẠCH ĐÔNG NHÂN	Nam	14/04/2010	6.15	6.86	6.78	6.44	6.56	3.50	4.50	2.00	0.0	0.0	8.97	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
183	200183	PHẠM MINH NHÂN	Nam	20/04/2010	6.28	6.58	7.34	8.06	7.07	4.50	5.00	4.75	0.0	0.0	12.10	
184	200184	TẠ HỒ THÀNH NHÂN	Nam	27/07/2010	5.74	6.99	6.59	7.31	6.66	4.00	2.75	3.50	0.0	0.0	9.17	
185	200185	TRƯƠNG HOÀI NHÂN	Nam	25/05/2010	5.08	5.25	5.06	5.63	5.26	3.50	0.25	2.00	0.0	0.0	5.60	Liệt
186	200186	MAI CÔNG NHẬT	Nam	26/05/2010	8.41	8.14	8.19	8.25	8.25	5.75	6.50	2.50	0.0	0.0	12.80	
187	200187	ĐẶNG LÂM KIỀU NHI	Nữ	27/07/2010	8.19	7.09	7.49	7.61	7.6	6.00	2.50	4.00	0.0	0.0	11.03	
188	200188	HUỲNH NGUYỄN YẾN NHI	Nữ	28/09/2010	7.55	8.1	8.48	8.73	8.22	7.50	6.75	3.50	0.0	0.0	14.89	
189	200189	LÊ THỊ YẾN NHI	Nữ	17/10/2010	7.65	7.34	7.04	7.41	7.36	5.25	5.75	5.75	0.0	0.0	13.93	
190	200190	LƯƠNG TUYẾT NHI	Nữ	10/06/2010	6.9	7.05	6.34	7.56	6.96	2.25	1.00	3.25	0.0	0.0	6.64	
191	200191	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	Nữ	31/03/2010	8.18	7.63	7.66	7.69	7.79	4.00	4.00	2.25	0.0	0.0	9.51	
192	200192	NGUYỄN THỊ HOÀI NHI	Nữ	26/05/2010	7.73	8.04	7.66	7.58	7.75	5.00	3.50	4.50	0.0	0.0	11.43	
193	200193	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	10/11/2010	5.14	6.24	5.95	6.2	5.88	3.25	1.00	3.50	0.0	0.0	7.19	
194	200194	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG NHI	Nữ	19/11/2010	7.41	7.96	8.16	8.01	7.89	5.75	2.75	5.25	0.0	0.0	11.99	
195	200195	PHẠM HOÀNG YẾN NHI	Nữ	01/09/2010	8	8.43	8.85	8.65	8.48	6.00	6.25	6.50	0.0	0.0	15.67	
196	200196	TRẦN NGỌC NHI	Nữ	02/08/2010	7.18	6.41	6.46	6.95	6.75	4.50	1.50	1.50	0.0	0.0	7.28	
197	200197	NGUYỄN MINH NHỜ	Nam	09/08/2010	6.41	7.96	7.55	8	7.48	6.25	4.75	3.50	0.0	0.0	12.39	
198	200198	NGUYỄN LÊ TUYẾT NHUNG	Nữ	08/09/2010	7.63	8.19	8.01	8.23	8.02	3.50	4.50	5.25	0.0	0.0	11.68	
199	200199	ĐẶNG THỊ TUYẾT NHƯ	Nữ	14/06/2010	8.29	8.19	7.93	8.21	8.16	5.75	2.75	7.25	0.0	0.0	13.47	
200	200200	LÂM THANH NHƯ	Nữ	24/10/2010	8.94	8.46	9.03	8.39	8.71	7.25	2.00	5.00	0.0	0.0	12.59	
201	200201	NGUYỄN HOÀNG BẢO NHƯ	Nữ	07/08/2010	9.26	7.66	8.01	7.54	8.12	7.25	2.00	3.50	0.0	0.0	11.36	
202	200202	NGUYỄN THỊ BÍCH NHƯ	Nữ	27/08/2010	7.38	7.09	6.94	7.11	7.13	4.50	0.75	2.50	0.0	0.0	7.56	Liệt
203	200203	NGUYỄN THỊ ĐỨC NHƯ	Nữ	19/12/2010	6.98	6.91	7.65	7.7	7.31	5.75	7.50	4.00	0.0	0.0	14.27	
204	200204	NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ	Nữ	01/02/2010	8.74	9.16	9.53	9.43	9.22	7.75	7.50	7.25	0.0	0.0	18.52	
205	200205	PHẠM LÊ PHƯƠNG NHƯ	Nữ	28/01/2010	7.8	7.08	7.69	6.91	7.37	5.25	2.50	2.00	0.0	0.0	9.04	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
206	200206	ĐẶNG MINH NHỰT	Nam	23/05/2010	6.89	7.25	7.33	7.4	7.22	2.75	2.75	3.75	0.0	0.0	8.64	
207	200207	TRẦN MINH NHỰT	Nam	26/06/2010	6.25	7.75	6.81	7.23	7.01	4.50	2.75	2.00	0.0	0.0	8.58	
208	200208	TRẦN QUỐC NHỰT	Nam	08/09/2010	7.51	6.93	7.7	7.65	7.45	6.00	5.50	5.25	0.0	0.0	13.96	
209	200209	NGUYỄN VY OANH	Nữ	09/09/2010	7.95	7.51	7.98	7.83	7.82	4.75	2.75	3.75	0.0	0.0	10.22	
210	200210	NGUYỄN THUẬN PHÁT	Nam	22/02/2010	5.25	5.78	6.71	6.74	6.12	3.00	0.25	2.50	0.0	0.0	5.86	Liệt
211	200211	NGUYỄN VĂN PHÁT	Nam	18/01/2010	7.79	7.75	7.79	7.58	7.73	7.00	5.00	4.75	0.0	0.0	14.04	
212	200212	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÂN	Nữ	04/08/2010	9.38	8.83	9.19	9.15	9.14	7.00	7.25	5.25	0.0	0.0	16.39	
213	200213	NGUYỄN ANH PHI	Nam	20/11/2010	5.23	7.25	7.49	6.43	6.6	5.00	0.00	2.25	0.0	0.0	7.06	Liệt
214	200214	LÊ HOÀNG PHONG	Nam	28/11/2010	7.01	7.53	7.44	7.35	7.33	5.50	4.25	3.50	0.0	0.0	11.47	
215	200215	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	19/01/2009	5.15	6.39	5.83	6.53	5.98	2.75	0.75	2.25	0.0	0.0	5.82	Liệt
216	200216	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	22/04/2010	6.25	5.75	5.68	6.5	6.05	3.58	0.25	2.25	0.0	0.0	6.07	Liệt
217	200217	TRẦN THANH PHONG	Nam	22/10/2010	8.28	8.3	8.63	8.16	8.34	5.50	3.50	6.75	0.0	0.0	13.53	
218	200218	PHAN TRUNG PHÚ	Nam	30/01/2010	7.4	6.93	6.51	7.45	7.07	4.00	3.25	2.00	0.0	0.0	8.60	
219	200219	ĐÌNH HOÀNG PHÚC	Nam	12/12/2010	7.35	6.48	7	6.08	6.73	3.25	1.25	2.25	0.0	0.0	6.74	
220	200220	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	Nam	12/12/2010	7.2	6.56	7.93	8.13	7.46	5.25	8.25	7.25	0.0	0.0	16.76	
221	200221	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nam	03/09/2010	6.14	6.11	6.05	6.5	6.2	3.50	1.50	1.50	0.0	0.0	6.41	
222	200222	NGUYỄN HỮU PHÚC	Nam	08/11/2010	7.18	7.3	7.4	7.2	7.27	4.50	3.25	2.50	0.0	0.0	9.36	
223	200223	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	Nam	27/11/2010	5.56	6.41	7.13	7.38	6.62	2.50	2.00	3.75	0.0	0.0	7.76	
224	200224	VÕ VƯƠNG NGỌC PHỤNG	Nữ	29/07/2010	5.85	6.53	6.58	6.55	6.38	5.92	0.75	3.25	0.0	0.0	8.86	Liệt
225	200225	HÀ THỊ NHÃ PHƯƠNG	Nữ	20/12/2010	8.59	8.31	8.28	8.51	8.42	7.75	6.50	6.75	0.0	0.0	17.23	
226	200226	PHẠM HOÀI PHƯƠNG	Nam	08/09/2010	9.34	9.18	9.06	9.06	9.16	7.50	6.25	4.50	0.0	0.0	15.52	
227	200227	PHẠM THỊ TRÚC PHƯƠNG	Nữ	27/01/2010	7.86	8.19	8.5	8.25	8.2	6.50	5.25	4.00	0.0	0.0	13.49	
228	200228	TRẦN MINH QUAN	Nam	28/08/2010	7.45	6.79	8.09	7.16	7.37	3.00	0.00	6.75	0.0	0.0	9.04	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
229	200229	HÀ THANH QUANG	Nam	25/03/2010	7.54	8.03	8.44	8.14	8.04	7.25	4.75	4.00	0.0	0.0	13.61	
230	200230	NGUYỄN BỘI MINH QUÂN	Nam	20/04/2010	8.1	7.99	7.93	8.69	8.18	5.50	8.00	5.75	0.0	0.0	15.93	
231	200231	THÁI LƯƠNG ANH QUÂN	Nam	14/02/2010	6.64	5.8	6.86	6.45	6.44	3.00	1.00	3.50	0.0	0.0	7.18	
232	200232	HỒ ANH QUỐC	Nam	15/12/2008	6.8	5.5	7.35	7.6	6.81	3.25	0.75	2.25	0.0	0.0	6.42	Liệt
233	200233	TRƯƠNG THỊ MỸ QUYÊN	Nữ	01/11/2007	5.93	6.94	7.34	6.58	6.7	5.00	1.50	3.50	0.0	0.0	9.01	
234	200234	VÕ HOÀNG QUYÊN	Nữ	13/01/2010	6.59	6.59	7.53	7.7	7.1	6.50	1.25	4.25	0.0	0.0	10.53	
235	200235	NGUYỄN THỊ KIM QUYÊN	Nữ	24/07/2010	7.23	7.36	7.81	6.95	7.34	4.75	1.25	3.25	0.0	0.0	8.68	
236	200236	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	17/05/2010	8.84	8.73	8.58	8.61	8.69	6.25	6.50	5.25	0.0	0.0	15.21	
237	200237	PHAN NGỌC ĐIỂM QUỲNH	Nữ	23/02/2010	7.36	6.25	7.35	6.71	6.92	5.00	2.50	3.25	0.0	0.0	9.60	
238	200238	ĐOÀN LÊ QUỲ	Nam	25/06/2010	9.28	9.53	9.68	9.59	9.52	7.25	8.50	7.50	0.0	0.0	19.13	
239	200239	HỒ PHƯỚC SANG	Nam	10/07/2009	5.93	5.54	6.61	6.13	6.05	2.75	0.00	2.25	0.0	0.0	5.32	Liệt
240	200240	NGUYỄN HOÀNG SANG	Nam	19/10/2010	7	7	6.88	6.59	6.87	3.25	1.50	3.00	0.0	0.0	7.49	
241	200241	PHẠM TẤN SANG	Nam	13/06/2010	5.39	5.69	6.13	6.33	5.89	1.50	0.00	3.25	0.0	0.0	5.09	Liệt
242	200242	NGUYỄN QUANG SÁNG	Nam	14/09/2010	8.45	8.1	8.7	8.35	8.4	6.50	7.00	5.50	0.0	0.0	15.82	
243	200243	NGUYỄN THỊ TÚ SƯƠNG	Nữ	31/05/2010	7.74	6.03	7.15	6.9	6.96	3.50	1.00	4.25	0.0	0.0	8.21	
244	200244	ĐINH TẤN TÀI	Nam	03/08/2010	7.88	7.26	7.61	7.89	7.66	5.00	5.00	4.25	0.0	0.0	12.27	
245	200245	ĐỖ THANH TÂM	Nữ	04/06/2010	9.45	9.65	9.71	9.45	9.57	7.50	6.25	8.00	0.0	0.0	18.10	
246	200246	NGUYỄN THANH TÂM	Nam	16/02/2010	6.08	6	5.41	5.96	5.86	3.25	1.00	2.00	0.0	0.0	6.13	
247	200247	VÕ MINH TÂM	Nam	15/02/2010	5.79	5.45	6.31	6.33	5.97	2.25	2.25	3.50	0.0	0.0	7.39	
248	200248	PHẠM DUY TÂN	Nam	19/11/2010	7.79	7.43	8.2	7.9	7.83	5.75	7.00	6.50	0.0	0.0	15.82	
249	200249	VÕ LÊ MAI THANH	Nữ	17/11/2010	9.11	8.75	8.58	8.51	8.74	6.00	6.00	7.00	0.0	0.0	15.92	
250	200250	CAO MINH THÀNH	Nam	21/06/2010	7.59	6.24	6.34	6.69	6.72	2.00	3.25	2.75	0.0	0.0	7.62	
251	200251	VÕ QUỐC THÁI	Nam	05/09/2010	5.41	6.23	6.45	6.1	6.05	0.00	0.00	1.00	0.0	0.0	2.52	Liệt

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HƯNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm ƯT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
252	200252	LÊ THỊ NGỌC THẢO	Nữ	02/08/2010	5.85	6.23	5.99	5.84	5.98	5.75	0.25	2.50	0.0	0.0	7.74	Liệt
253	200253	NGUYỄN THỊ MINH THẢO	Nữ	21/07/2010	8.58	8.28	7.49	7.78	8.03	6.00	3.25	2.00	0.0	0.0	10.28	
254	200254	PHẠM THANH THẢO	Nữ	08/11/2010	7.33	8.2	8.38	8.45	8.09	5.75	5.50	5.50	0.0	0.0	14.15	
255	200255	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	29/04/2010	7.04	7.46	7.9	7.69	7.52	6.50	0.00	3.75	0.0	0.0	9.43	Liệt
256	200256	VŨ PHẠM THANH THẢO	Nữ	24/04/2010	8.33	8.01	8.2	7.86	8.1	5.50	5.25	4.50	0.0	0.0	13.11	
257	200257	NGUYỄN MINH THẮNG	Nam	04/11/2010	7.43	6.05	7.41	7.01	6.98	5.75	3.50	3.50	0.0	0.0	11.02	
258	200258	VÕ VĂN THẮNG	Nam	07/10/2010	6.25	5.25	5.88	6.5	5.97	1.50	0.00	2.00	0.0	0.0	4.24	Liệt
259	200259	NGUYỄN ĐỨC THI	Nam	09/06/2010	6.54	7.19	7.23	7.75	7.18	5.50	3.75	3.00	0.0	0.0	10.73	
260	200260	NGUYỄN THỊ ĐIỂM THI	Nữ	10/10/2010	8	7.83	7.78	7.6	7.8	7.75	2.00	6.00	0.0	0.0	13.37	
261	200261	NGUYỄN THỊ KIM THI	Nữ	28/07/2010	6.89	6.54	7.59	6.4	6.86	4.25	0.25	3.00	0.0	0.0	7.31	Liệt
262	200262	NGUYỄN QUẾ THOA	Nữ	08/01/2010	8.53	8.21	8.14	7.99	8.22	4.25	4.50	2.50	0.0	0.0	10.34	
263	200263	BÙI MINH THÔNG	Nam	28/11/2008	6.75	6.99	6.83	7.13	6.93	2.75	2.00	3.50	0.0	0.0	7.85	
264	200264	ĐỒNG THỊ NGỌC THƠ	Nữ	09/06/2010	8.26	7.91	7.76	7.39	7.83	6.50	3.50	3.00	0.0	0.0	11.45	
265	200265	NGUYỄN MINH THUẬN	Nam	05/03/2010	8.56	8.2	8.58	8.31	8.41	5.75	5.00	2.75	0.0	0.0	11.97	
266	200266	PHẠM NGUYỄN HÒA THUẬN	Nam	30/10/2010	7.21	7.35	7.68	6.71	7.24	5.50	2.50	3.25	0.0	0.0	10.05	
267	200267	VÕ HỮU THUẬN	Nam	14/09/2010	6.01	6.51	6.73	6.75	6.5	5.25	2.75	3.50	0.0	0.0	10.00	
268	200268	VÕ MINH THÙY	Nữ	08/04/2010	8.73	7.58	7.96	8.05	8.08	5.25	5.50	4.25	0.0	0.0	12.92	
269	200269	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	Nữ	03/06/2010	8.18	8.18	8.61	8.58	8.39	5.75	5.50	6.50	0.0	0.0	14.94	
270	200270	LÊ HUỖNH ANH THƯ	Nữ	27/12/2010	6.45	7.81	7.29	6.93	7.12	5.00	2.25	4.25	0.0	0.0	10.19	
271	200271	LÊ PHẠM MINH THƯ	Nữ	04/01/2010	7.46	7.6	8.44	8.09	7.9	6.50	4.25	3.75	0.0	0.0	12.52	
272	200272	MAI ANH THƯ	Nữ	23/11/2008	8.24	7.56	7.44	7.88	7.78	5.50	3.00	3.00	0.0	0.0	10.38	
273	200273	NGÔ MINH THƯ	Nữ	10/06/2010	5.88	6.55	7.05	6.95	6.61	5.50	2.50	4.00	0.0	0.0	10.38	
274	200274	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	06/08/2010	9.1	8.95	9.18	9.16	9.1	5.25	5.50	5.50	0.0	0.0	14.11	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
275	200275	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	26/07/2010	7.79	7.23	8.21	7.13	7.59	5.00	2.00	3.25	0.0	0.0	9.45	
276	200276	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	Nữ	31/08/2010	7.26	6.01	6.78	7.1	6.79	5.50	2.25	2.75	0.0	0.0	9.39	
277	200277	PHAN HUỖNH ANH THƯ	Nữ	26/01/2010	8.85	9.01	8.66	8.65	8.79	6.75	7.00	4.50	0.0	0.0	15.41	
278	200278	PHẠM ANH THƯ	Nữ	28/03/2010	9.34	8.88	9.01	8.74	8.99	7.00	4.00	5.75	0.0	0.0	14.42	
279	200279	NGUYỄN THỊ MAI THY	Nữ	15/12/2010	7.73	6.96	7.7	7.86	7.56	4.50	4.50	4.00	0.0	0.0	11.37	
280	200280	LÊ NGỌC THUY TIÊN	Nữ	01/04/2010	8.11	8.91	8.85	8.88	8.69	6.00	5.25	4.75	0.0	0.0	13.81	
281	200281	ĐẶNG TRẦN TIẾN	Nam	07/06/2010	8.31	6.59	6.78	6.81	7.12	3.50	2.50	2.00	0.0	0.0	7.74	
282	200282	PHAN MINH TIẾN	Nam	09/05/2010	7.56	7.1	7.28	6.86	7.2	3.00	1.25	3.25	0.0	0.0	7.41	
283	200283	LÊ ĐỨC TÍNH	Nam	05/12/2010	8.54	7.46	7.36	7.34	7.68	4.75	2.75	3.25	0.0	0.0	9.83	
284	200284	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG TRANG	Nữ	12/01/2010	7.38	7.38	7.38	7.55	7.42	4.50	2.00	4.25	0.0	0.0	9.75	
285	200285	PHẠM THU TRANG	Nữ	09/09/2010	7.31	7.4	7.71	7.79	7.55	5.25	6.75	5.00	0.0	0.0	14.17	
286	200286	PHAN THANH TRÀ	Nữ	02/11/2010	7.7	7.75	8.39	8.24	8.02	6.25	6.50	4.50	0.0	0.0	14.48	
287	200287	HUỖNH BÍCH TRÂM	Nữ	13/03/2010	8.24	8.69	8.6	8.66	8.55	7.00	5.75	7.25	0.0	0.0	16.57	
288	200288	LÊ HUỖNH TRÂM	Nữ	23/02/2010	7.09	8	7.64	7.69	7.61	5.75	3.50	3.75	0.0	0.0	11.38	
289	200289	NGUYỄN BÍCH TRÂM	Nữ	14/04/2010	7.66	7.11	8.39	8.19	7.84	6.25	2.75	4.75	0.0	0.0	11.98	
290	200290	NGUYỄN HUỖNH NGỌC TRÂM	Nữ	25/02/2009	6.06	6.29	7.01	7.1	6.62	5.75	1.75	1.25	0.0	0.0	8.11	
291	200291	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	07/12/2009	8.7	8	8.56	8.88	8.54	6.75	5.75	7.25	0.0	0.0	16.39	
292	200292	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	15/04/2010	7.48	7.96	7.86	8.21	7.88	6.25	3.00	3.75	0.0	0.0	11.46	
293	200293	PHAN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	19/11/2010	6.59	6.85	7.39	7.61	7.11	5.75	3.50	2.25	0.0	0.0	10.18	
294	200294	ĐÀO HUYỀN TRÂN	Nữ	18/02/2010	8.76	8.11	8.66	8.33	8.47	7.25	4.00	2.50	0.0	0.0	12.17	
295	200295	LÊ HUỖNH BẢO TRÂN	Nữ	19/04/2009	6.35	7.2	7.96	7.09	7.15	3.75	1.75	3.00	0.0	0.0	8.10	
296	200296	PHAN TRƯƠNG VƯƠNG TRIỆU	Nam	19/04/2010	8.35	7.46	7.81	8.39	8	6.75	3.75	6.50	0.0	0.0	14.30	
297	200297	ĐINH PHƯƠNG TRINH	Nữ	21/06/2010	7.65	8.81	8.94	8.71	8.53	5.75	6.75	6.25	0.0	0.0	15.68	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
298	200298	HUỖNH THỊ LỆ TRINH	Nữ	03/05/2010	8.25	7.99	8.26	7.45	7.99	6.00	1.00	3.25	0.0	0.0	9.57	
299	200299	PHAN THỊ YẾN TRINH	Nữ	23/08/2010	5.76	6.48	6.59	7.1	6.48	2.50	2.00	3.75	0.0	0.0	7.72	
300	200300	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	22/10/2010	5.94	6.46	6.1	7.09	6.4	6.50	3.75	2.25	0.0	0.0	10.67	
301	200301	TRẦN MINH TRÍ	Nam	17/10/2010	6.55	6.85	8.09	7.43	7.23	5.00	3.50	3.25	0.0	0.0	10.39	
302	200302	NGUYỄN HỮU TRỌNG	Nam	05/02/2010	7	6.73	8.23	7.7	7.42	3.25	3.75	3.75	0.0	0.0	9.75	
303	200303	PHẠM ĐỨC TRỌNG	Nam	20/01/2010	8.29	8.74	8.43	9.13	8.65	7.25	7.25	8.25	0.0	0.0	18.52	
304	200304	NGUYỄN THANH TRÚC	Nữ	07/12/2010	8.88	8.6	8.4	8.36	8.56	4.50	4.00	4.25	0.0	0.0	11.49	
305	200305	PHAN THANH TRÚC	Nữ	08/12/2010	8.96	9.21	9.31	9.21	9.17	7.00	5.00	5.75	0.0	0.0	15.18	
306	200306	TRẦN THỊ NHÃ TRÚC	Nữ	26/10/2010	7.65	6.86	7.81	7.63	7.49	6.75	2.75	5.75	0.0	0.0	12.92	
307	200307	LÊ XUÂN TRƯỜNG	Nam	10/02/2010	7.66	7.83	7	7.11	7.4	3.75	5.50	3.25	0.0	0.0	10.97	
308	200308	NGÔ NHẬT TRƯỜNG	Nam	05/05/2010	7.38	6	6.78	7.69	6.96	5.00	4.25	4.75	0.0	0.0	11.89	
309	200309	HUỖNH ANH TUẤN	Nam	25/02/2010	5.66	5.85	6.43	6.29	6.06	3.50	1.00	2.75	0.0	0.0	6.89	
310	200310	MAI HOÀNG TUẤN	Nam	03/05/2010	6.78	7.05	6.44	6.88	6.79	3.50	0.50	1.50	0.0	0.0	5.89	Liệt
311	200311	VÕ HOÀNG ANH TUẤN	Nam	13/09/2010	7.64	7.79	8.9	7.45	7.95	4.75	3.25	4.75	0.0	0.0	11.31	
312	200312	VÕ MINH TUẤN	Nam	16/07/2010	7.41	7.49	7.38	7.46	7.44	6.25	4.75	3.25	0.0	0.0	12.21	
313	200313	PHẠM QUANG TUYÊN	Nam	17/10/2010	6.93	7.26	7.81	7.66	7.42	6.00	2.75	4.25	0.0	0.0	11.33	
314	200314	HỒ THỊ LAM TUYÊN	Nữ	07/01/2010	7.48	8.05	7.66	7.85	7.76	5.00	2.75	5.50	0.0	0.0	11.60	
315	200315	LÂM THỊ TUYÊN	Nữ	03/11/2009	7.7	8.24	7.98	8.19	8.03	6.50	1.00	4.50	0.0	0.0	10.81	
316	200316	LÊ THỊ KIM TUYÊN	Nữ	18/06/2010	6.31	5.39	6.53	6.64	6.22	2.00	1.50	2.25	0.0	0.0	5.89	
317	200317	PHẠM THANH TUYÊN	Nữ	15/02/2010	8.11	7.89	8.05	7.03	7.77	5.75	2.00	3.00	0.0	0.0	9.86	
318	200318	PHẠM THỊ MINH TUYÊN	Nữ	21/06/2010	8.33	8.48	8.7	8.58	8.52	6.00	4.25	4.00	0.0	0.0	12.53	
319	200319	TRẦN THỊ NGỌC TUYẾT	Nữ	09/08/2010	8.01	7.61	6.89	7.13	7.41	4.00	0.50	2.75	0.0	0.0	7.30	Liệt
320	200320	HUỖNH NGỌC TÚ	Nữ	08/03/2010	7.31	6.96	7.5	8.31	7.52	7.75	4.00	3.00	0.0	0.0	12.58	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)**HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG**

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
321	200321	PHẠM LÊ MINH TÚ	Nữ	12/03/2010	8.09	8.79	8.56	8.49	8.48	5.00	4.75	4.00	0.0	0.0	12.17	
322	200322	TRƯƠNG THỊ CẨM TÚ	Nữ	18/12/2009	8.03	8.15	7.71	7.98	7.97	5.75	3.75	3.50	0.0	0.0	11.49	
323	200323	THÂN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	24/06/2010	5.94	6.76	7.8	6.8	6.83	3.50	2.50	2.25	0.0	0.0	7.82	
324	200324	BÙI VI VA	Nam	27/02/2010	5.85	6.21	6.14	6.35	6.14	5.25	2.50	2.75	0.0	0.0	9.19	
325	200325	ĐOÀN QUỐC VĂN	Nam	15/05/2010	8.38	8.59	8.95	8.95	8.72	6.25	5.25	5.25	0.0	0.0	14.34	
326	200326	HUỲNH QUỐC VĂN	Nam	15/04/2010	6.64	5.94	5.38	6.15	6.03	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	1.81	Liệt
327	200327	NGUYỄN PHẠM CÔNG VĂN	Nam	15/04/2010	9.01	8.94	8.79	8.36	8.78	6.25	4.50	7.50	0.0	0.0	15.41	
328	200328	MAI KHÁNH VÂN	Nữ	07/02/2010	7.86	7.29	7.45	7.65	7.56	6.25	5.50	4.00	0.0	0.0	13.29	
329	200329	PHAN LÊ QUỐC VIỆT	Nam	29/01/2010	7.38	7.51	7.24	7.73	7.47	4.25	4.75	4.25	0.0	0.0	11.52	
330	200330	DƯƠNG HOÀNG VŨ	Nam	09/07/2010	7.48	6.49	7.28	6.33	6.9	3.00	1.50	3.00	0.0	0.0	7.32	
331	200331	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN VŨ	Nam	27/11/2010	6.94	7.33	7.21	7.33	7.2	5.00	2.75	4.50	0.0	0.0	10.74	
332	200332	BÙI LÊ VY	Nữ	15/03/2010	8.7	8.84	8.91	8	8.61	5.75	2.75	6.50	0.0	0.0	13.08	
333	200333	HUỲNH LÝ THÚY VY	Nữ	17/07/2010	7.71	7.29	8.33	7.98	7.83	7.00	4.50	3.25	0.0	0.0	12.67	
334	200334	LÊ THỊ THẢO VY	Nữ	12/05/2010	9.3	8.76	8.66	8.4	8.78	6.25	2.50	5.25	0.0	0.0	12.43	
335	200335	LƯƠNG YẾN VY	Nữ	14/11/2010	8.16	7.78	8.16	7.89	8	7.00	5.50	5.00	0.0	0.0	14.65	
336	200336	LƯU HUỲNH THÚY VY	Nữ	20/07/2010	8.13	8.88	9.05	9.18	8.81	8.00	6.00	8.00	0.0	0.0	18.04	
337	200337	NGUYỄN NGỌC BẢO VY	Nữ	19/12/2010	8.3	8.96	8.95	8.95	8.79	7.50	7.75	8.50	0.0	0.0	19.26	
338	200338	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	18/12/2010	6.6	7.88	7.59	7.56	7.41	4.83	3.75	4.25	0.0	0.0	11.20	
339	200339	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	11/07/2010	7.2	8.28	8.51	8.53	8.13	5.00	7.25	2.75	0.0	0.0	12.94	
340	200340	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	24/02/2010	5.53	6.53	7.54	6.5	6.53	4.25	1.00	3.50	0.0	0.0	8.08	
341	200341	PHẠM THỊ PHƯƠNG VY	Nữ	12/10/2010	8.11	8.58	8.19	8.36	8.31	6.50	6.75	7.25	0.0	0.0	16.84	
342	200342	PHẠM TƯỜNG VY	Nữ	04/02/2010	8.84	8.26	8.64	8.7	8.61	6.75	5.50	5.50	0.0	0.0	15.01	
343	200343	TRẦN THỊ TRÚC VY	Nữ	27/10/2010	6.24	7.48	7.28	7.65	7.16	4.00	4.00	3.50	0.0	0.0	10.20	

BẢNG GHI ĐIỂM THI (THEO SỐ BÁO DANH)

HỘI ĐỒNG COI THI: TRƯỜNG THPT LỘC HUNG

STT	SBD	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm trung bình cả năm					Điểm thi			Điểm UT	Điểm KK	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					6	7	8	9	ĐBQ	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh				
344	200344	VÔ LÊ THẢO VY	Nữ	21/12/2010	6.7	7.3	7.74	7.8	7.39	6.00	4.50	5.75	0.0	0.0	13.59	
345	200345	VÔ PHAN TƯỜNG VY	Nữ	01/03/2010	8.1	8.85	8.98	8.54	8.62	6.00	4.75	4.75	0.0	0.0	13.44	
346	200346	NGUYỄN TRỊNH XUÂN VỸ	Nữ	02/05/2010	6.96	6.63	7.26	6.4	6.81	5.00	1.00	4.50	0.0	0.0	9.39	
347	200347	PHẠM HOÀNG VỸ	Nam	23/03/2010	9.31	9.08	9.31	9.43	9.28	7.00	7.25	8.00	0.0	0.0	18.36	
348	200348	ER LING XUAN	Nữ	05/01/2010	6.65	7.28	7.38	7.93	7.31	6.25	2.75	2.75	1.0	0.0	11.42	
349	200349	MAI THỊ NGỌC YẾN	Nữ	25/06/2010	7.95	7.61	8.08	7.96	7.9	4.25	3.75	4.00	0.0	0.0	10.77	
350	200350	NGUYỄN HOÀNG NGỌC YẾN	Nữ	10/10/2010	6.25	6.14	6.11	6.58	6.27	4.75	2.50	4.25	0.0	0.0	9.93	
351	200351	TRƯƠNG NGỌC HẢI YẾN	Nữ	11/01/2010	7.25	8.23	8.41	8.31	8.05	6.25	2.50	7.25	0.0	0.0	13.62	
352	200352	ĐẶNG NHƯ Ý	Nữ	17/05/2010	8.19	7.2	6.86	7.56	7.45	5.75	4.25	4.25	0.0	0.0	12.21	
353	200353	ĐẶNG THỊ NHƯ Ý	Nữ	16/09/2010	5.66	5.54	5.7	5.95	5.71	3.75	1.75	4.25	0.0	0.0	8.54	
354	200354	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	12/01/2010	7.86	7.01	7.31	6.45	7.16	4.25	1.75	3.25	0.0	0.0	8.62	
355	200355	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	28/07/2010	8.23	8.18	7.68	7.61	7.93	6.25	3.00	2.75	0.0	0.0	10.78	
356	200356	THÁI THỊ NHƯ Ý	Nữ	01/07/2010	6.69	6.79	6.41	5.96	6.46	1.00	0.25	2.25	0.0	0.0	4.39	Liệt

Danh sách này có 356 thí sinh/

Cán bộ in

[Signature]
Phan Ngọc Linh

Cán bộ soát điểm

[Signature]
Nguyễn Công

Tây Ninh, ngày 14 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



(Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

Phan Minh Tùng